

CAREER GUIDANCE LINKED TO POST-GRADUATION EMPLOYMENT IN VOCATIONAL EDUCATION AND TRAINING

Tran Van Khoi

Email: khoinghiep19772005@gmail.com

The Vietnam National Institute of Educational Sciences
No.04 Trinh Hoai Duc street, O Cho Dua ward,
Hanoi, Vietnam

Received: 05/3/2026

Revised: 15/4/2026

Accepted: 10/5/2026

Published: 20/6/2026

Abstract: Post-graduation employment is a direct indicator of the quality of vocational education and training and a clear point at which the gap between training provision and labor market demand becomes visible. Therefore, career guidance linked to graduate employment cannot be treated as a stand-alone support service, nor can it be reduced to job placement. Instead, it should be positioned as a governance mechanism for the learner life cycle. Such a mechanism enables learners to make evidence-informed career decisions, develop transition capabilities, and sustain adaptability as they enter the labor market. This article clarifies the concept and organizational requirements of data-driven guidance, viewing data as the foundation for tracking employment outcomes and establishing feedback loops for training improvement. On that basis, the article proposes an implementation framework comprising needs diagnosis, competency assessment, personalized guidance planning, employer engagement, post-graduation tracking, and the use of feedback to adjust curricula. The article further highlights the need for digital learner records, shared data fields, and a graduate employment indicator to strengthen accountability for vocational education and training providers.

Keywords: Career guidance, post-graduation employment, vocational education and training, labour market, data governance.

TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP GẮN VỚI VIỆC LÀM SAU TỐT NGHIỆP TRONG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Trần Văn Khởi

Email: khoinghiep19772005@gmail.com

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
Số 04 Trịnh Hoài Đức, phường Ô Chợ Dừa,
Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 05/3/2026

Chỉnh sửa xong: 15/4/2026

Chấp nhận đăng: 10/5/2026

Xuất bản: 20/6/2026

Tóm tắt: Việc làm sau tốt nghiệp là thước đo trực diện của chất lượng giáo dục nghề nghiệp và là nơi bộc lộ rõ khoảng cách giữa đào tạo với nhu cầu thị trường lao động. Vì vậy, tư vấn hướng nghiệp gắn với việc làm sau tốt nghiệp không thể hiểu như hỗ trợ đơn lẻ, càng không thể thu hẹp thành giới thiệu việc làm, mà phải được đặt đúng vị trí là cơ chế quản trị theo vòng đời người học. Cơ chế này giúp người học ra quyết định nghề nghiệp có căn cứ, chuẩn bị năng lực chuyển tiếp và duy trì khả năng thích ứng khi gia nhập thị trường lao động. Bài viết làm rõ nội hàm và yêu cầu tổ chức tư vấn theo hướng dựa vào dữ liệu, coi dữ liệu là nền tảng để theo dõi kết quả việc làm và tạo vòng phản hồi cải tiến đào tạo. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất khung triển khai gồm chẩn đoán nhu cầu, đánh giá năng lực, lập kế hoạch tư vấn cá thể hóa, kết nối doanh nghiệp, theo dõi sau tốt nghiệp và sử dụng phản hồi để điều chỉnh chương trình. Bài viết nhấn mạnh yêu cầu hồ sơ số người học, trường dữ liệu dùng chung và bộ chỉ báo theo dõi việc làm sau tốt nghiệp nhằm tăng trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Từ khóa: Tư vấn hướng nghiệp, việc làm sau tốt nghiệp, giáo dục nghề nghiệp, thị trường lao động, quản trị dữ liệu.

1. Đặt vấn đề

Trong giáo dục nghề nghiệp, chất lượng được kiểm chứng trực tiếp bằng kết quả việc làm sau tốt nghiệp: người học có việc làm hay không, việc làm

có phù hợp với ngành nghề đào tạo hay không, và thu nhập, điều kiện lao động có đủ để họ bám nghề, phát triển nghề nghiệp hay không. Trong bối cảnh thị trường lao động biến động nhanh, yêu cầu kỹ

năng thay đổi liên tục, còn người học phải lựa chọn nghề trong điều kiện thông tin không cân xứng, khoảng cách giữa đào tạo và việc làm không thể tự thu hẹp nếu chỉ dựa vào nỗ lực riêng lẻ của từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Điều đó đòi hỏi một cơ chế quản trị đủ mạnh, đủ bền và có thể đo lường để dẫn dắt người học từ giai đoạn lựa chọn nghề, học nghề, thực hành thực tập đến chuyển tiếp vào việc làm và ổn định nghề nghiệp (Tổng cục Thống kê, 2026; Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2013; Thủ tướng Chính phủ, 2021). Chủ trương tăng cường giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng được nhấn mạnh trong Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025, qua đó tạo nên chính sách quan trọng để tăng cường kết nối giữa lựa chọn nghề, quá trình đào tạo và việc làm sau tốt nghiệp.

Vì vậy, tư vấn hướng nghiệp gắn với việc làm sau tốt nghiệp cần được nhìn nhận như một cấu phần của quản trị chất lượng đầu ra, không thể chỉ dừng ở hoạt động hỗ trợ ngắn hạn như cung cấp thông tin tuyển dụng, giới thiệu nơi làm việc hay tổ chức truyền thông theo đợt. Chỉ khi được tổ chức theo quy trình thống nhất, có dữ liệu theo dõi sau tốt nghiệp, có phản hồi từ doanh nghiệp và có cơ chế phối hợp giữa nhà trường, doanh nghiệp và cơ quan quản lý, tư vấn mới trở thành công cụ điều hành thực chất. Khi đó, hoạt động này không chỉ giúp người học xác lập mục tiêu nghề nghiệp, nhận diện năng lực, lựa chọn lộ trình học tập và chuẩn bị năng lực chuyển tiếp vào thị trường lao động mà còn tạo bằng chứng để nhà trường cải tiến chương trình đào tạo và dịch vụ hỗ trợ người học.

Thực tiễn cho thấy, nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã quan tâm hỗ trợ việc làm, hợp tác với doanh nghiệp, tổ chức ngày hội tuyển dụng, tăng cường thực tập và kết nối cựu người học. Tuy nhiên, các hoạt động này còn phân tán, thiếu chuẩn hóa, thiếu dữ liệu dùng chung và chưa hình thành cơ chế ổn định để theo dõi kết quả việc làm sau tốt nghiệp. Không ít trường hợp tư vấn bị đồng nhất với giới thiệu việc làm hoặc bị tách rời khỏi hệ thống bảo đảm chất lượng, dẫn đến khó xác định trách nhiệm, khó đánh giá hiệu quả và khó mở rộng. Khi thiếu dữ liệu, quyết định quản trị dễ mang tính cảm tính, chạy theo sự vụ, đồng thời hạn chế khả năng cảnh báo sớm đối với những nhóm người học có nguy cơ thất nghiệp, làm trái nghề hoặc rơi vào việc làm không bền vững (Nhóm tác giả, 2024-2025).

Trong bối cảnh đó, bài viết tập trung làm rõ nội hàm của tư vấn hướng nghiệp gắn với việc làm sau tốt nghiệp trong giáo dục nghề nghiệp, nhấn mạnh bản chất quản trị và yêu cầu tổ chức theo hướng dựa vào dữ liệu. Khái niệm tư vấn hướng nghiệp trong nghiên cứu này không chỉ giới hạn ở giai đoạn trước khi lựa chọn nghề mà được hiểu theo nghĩa rộng là quá trình hỗ trợ ra quyết định nghề nghiệp trong suốt vòng đời học tập và làm việc của người lao động. Do đó, ngay sau khi hoàn thành chương trình giáo dục nghề nghiệp, người học vẫn đối diện với các quyết định nghề nghiệp như lựa chọn vị trí việc làm, chuyển đổi nghề, nâng cao kỹ năng hoặc thích ứng với biến động thị trường lao động. Vì vậy, việc sử dụng khái niệm “Tư vấn hướng nghiệp gắn với việc làm sau tốt nghiệp” là phù hợp với tiếp cận phát triển nghề nghiệp suốt đời, đồng thời nhấn mạnh vai trò của giáo dục nghề nghiệp trong hỗ trợ chuyển tiếp và ổn định nghề nghiệp cho người học. Dữ liệu trong cách tiếp cận này không chỉ là số liệu báo cáo, mà là bằng chứng quản trị phản ánh hành trình của người học từ nhu cầu nghề nghiệp, kết quả đánh giá năng lực, trải nghiệm học tập, thực hành thực tập đến tình trạng việc làm sau tốt nghiệp và phản hồi của doanh nghiệp sử dụng lao động. Khi dữ liệu được chuẩn hóa, cập nhật và kết nối, cơ sở giáo dục nghề nghiệp mới có thể theo dõi đầu ra một cách có trách nhiệm, còn cơ quan quản lý nhà nước mới có thể điều hành bằng công cụ, chuẩn mực và kỉ cương thể chế, thay vì chỉ kiểm tra hình thức (đồng thời trong bối cảnh pháp lý mới, cần rà soát và cập nhật theo Luật Giáo dục Nghề nghiệp năm 2025 trong các nội dung quản lý, theo dõi đầu ra và trách nhiệm phối hợp giữa các chủ thể liên quan).

Bài viết hướng tới ba giá trị cốt lõi. Thứ nhất, xác lập ranh giới rõ ràng giữa tư vấn hướng nghiệp gắn với việc làm sau tốt nghiệp và các hoạt động giới thiệu việc làm thuần túy, qua đó đặt đúng mục tiêu và tiêu chí đánh giá. Thứ hai, đề xuất một khung triển khai có thể áp dụng, đo lường và kiểm tra dựa trên quy trình tư vấn theo vòng đời người học và bộ chỉ báo theo dõi việc làm sau tốt nghiệp. Thứ ba, đưa ra hàm ý chính sách và giải pháp quản trị nhằm chuẩn hóa chức năng, phân công trách nhiệm, bảo đảm nguồn lực và hình thành cơ chế phối hợp giữa nhà trường, doanh nghiệp và các cơ quan liên quan. Tư vấn hướng nghiệp gắn với việc làm sau tốt nghiệp được coi là mắt xích then chốt để nâng cao chất lượng đầu ra, củng cố niềm tin xã hội đối với giáo dục nghề nghiệp và tăng hiệu lực quản lý nhà nước trong bảo đảm cơ hội việc làm cho người học.

2. Phương pháp nghiên cứu

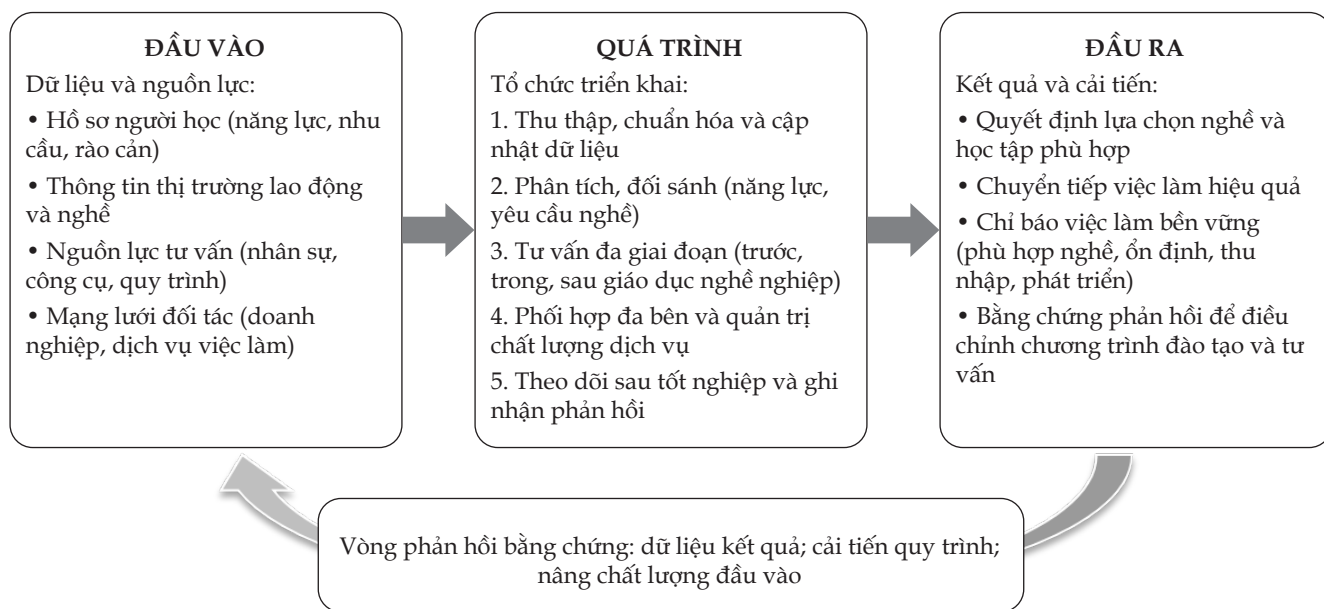
Bài viết sử dụng cách tiếp cận nghiên cứu định hướng quản trị, kết hợp tổng quan tài liệu, phân tích chính sách và tổng hợp thực tiễn triển khai trong giáo dục nghề nghiệp để làm rõ nội hàm, cấu phần và yêu cầu tổ chức tư vấn hướng nghiệp gắn với việc làm sau tốt nghiệp. Trên cơ sở đó, bài viết xây dựng khung phân tích theo logic đầu vào – quá trình – đầu ra, coi kết quả việc làm sau tốt nghiệp là chỉ báo trung tâm để đánh giá hiệu lực của hoạt động tư vấn và mức độ đáp ứng của nhà trường đối với thị trường lao động.

Nguồn dữ liệu nghiên cứu được hình thành từ ba nhóm chủ yếu. Nhóm thứ nhất là các văn bản chính sách và quy định có liên quan đến giáo dục nghề nghiệp, thị trường lao động và cơ chế phối hợp giữa nhà trường với doanh nghiệp, dùng để xác định phạm vi trách nhiệm, yêu cầu quản lý và các điều kiện bảo đảm. Nhóm thứ hai là các công trình khoa học trong và ngoài nước về tư vấn hướng nghiệp, phát triển nghề nghiệp, theo dõi người học sau tốt nghiệp và quản trị chất lượng đầu ra, dùng để nhận diện xu hướng tiếp cận, khung khái niệm và các gợi ý về chỉ báo đánh giá. Nhóm thứ ba là thông tin thực

tiễn từ hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm và kết nối doanh nghiệp của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, dùng để đối chiếu, khái quát và xác định các điểm nghẽn phổ biến về quy trình, dữ liệu và phối hợp triển khai (Quốc hội, 2014, 2025; Thủ tướng Chính phủ, 2018, 2021).

Quy trình nghiên cứu được triển khai theo các bước gắn với mục tiêu quản trị. Trước hết, bài viết rà soát và hệ thống hóa khái niệm, phân biệt giữa tư vấn hướng nghiệp gắn với việc làm sau tốt nghiệp và hoạt động giới thiệu việc làm, từ đó xác lập tiêu chí đánh giá phù hợp với mục tiêu ổn định và phát triển nghề nghiệp của người học. Tiếp theo, bài viết phân tích chuỗi hoạt động tư vấn theo vòng đời người học, nhận diện các điểm cần có dữ liệu và bằng chứng để ra quyết định, đồng thời xác định các chủ thể tham gia và trách nhiệm tương ứng. Trên nền tảng đó, bài viết tổng hợp và đề xuất bộ chỉ báo theo dõi việc làm sau tốt nghiệp, gắn với yêu cầu về hồ sơ số người học, trường dữ liệu dùng chung và cơ chế cập nhật thông tin.

Nghiên cứu sử dụng ba phương pháp chính: Thứ nhất, phương pháp phân tích tài liệu nhằm hệ thống hóa các khái niệm và khung tiếp cận về tư vấn hướng



Hình 1. Khung logic đầu vào, quá trình, đầu ra và vòng phản hồi bằng chứng của tư vấn hướng nghiệp gắn với việc làm sau tốt nghiệp trong giáo dục nghề nghiệp.

(Ghi chú: “Đầu vào” gồm dữ liệu người học, thông tin thị trường lao động, nguồn lực tư vấn và mạng lưới đối tác; “Quá trình” là chuỗi thu thập, chuẩn hóa dữ liệu, phân tích đối sánh năng lực với yêu cầu nghề, tư vấn đa giai đoạn và theo dõi sau tốt nghiệp; “Đầu ra” là quyết định lựa chọn nghề và lộ trình học tập phù hợp cùng các chỉ báo việc làm bền vững; dữ liệu đầu ra tạo vòng phản hồi để cải tiến tư vấn và điều chỉnh chương trình đào tạo. “Bằng chứng phản hồi” phục vụ điều chỉnh chương trình đào tạo và tư vấn gồm các chỉ báo việc làm sau tốt nghiệp, mức phù hợp nghề, thu nhập, mức ổn định việc làm và phản hồi của doanh nghiệp. Nguồn: Tác giả đề xuất).

nghiệp gắn với việc làm sau tốt nghiệp. Thứ hai, phương pháp phân tích chính sách để làm rõ yêu cầu quản lý và trách nhiệm của các chủ thể trong giáo dục nghề nghiệp. Thứ ba, phương pháp tổng hợp thực tiễn nhằm khái quát các mô hình triển khai tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, từ đó xây dựng khung đề xuất. Các phương pháp này được triển khai theo trình tự: tổng quan tài liệu – phân tích chính sách – tổng hợp thực tiễn – xây dựng khung đề xuất.

Trên nền tảng đó, nhằm làm rõ logic can thiệp và cơ chế vận hành, bài viết mô hình hóa tư vấn hướng nghiệp gắn với việc làm sau tốt nghiệp theo tiếp cận hệ thống, từ đầu vào là dữ liệu và nguồn lực, qua quá trình tổ chức triển khai, đến đầu ra là kết quả và cải tiến. Hình 1 khái quát khung logic đầu vào, quá trình, đầu ra và vòng phản hồi bằng chứng, nhấn mạnh vai trò của dữ liệu kết quả việc làm như trục điều hành để cải tiến liên tục hoạt động tư vấn và điều chỉnh chương trình đào tạo theo yêu cầu thị trường lao động.

Tuyên bố về sử dụng trí tuệ nhân tạo

Tác giả có sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ rà soát chính tả, chuẩn hóa định dạng và kiểm tra tính nhất quán về thuật ngữ và cách trình bày. Công cụ không được sử dụng để tạo dữ liệu, xây dựng kết quả phân tích hoặc hình thành kết luận nghiên cứu. Tác giả chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung bản thảo.

3. Kết quả nghiên cứu

Các kết quả nghiên cứu trong bài viết được tổng hợp từ phân tích tài liệu chính sách, báo cáo thực tiễn của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các nghiên cứu trước đây về theo dõi việc làm sau tốt nghiệp. Việc tổng hợp này cho phép nhận diện các xu hướng chung, các điểm nghẽn chủ yếu và làm cơ sở đề xuất khung triển khai mang tính khái quát.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, tư vấn hướng nghiệp gắn với việc làm sau tốt nghiệp trong giáo dục nghề nghiệp cần được xác lập như một cơ chế quản trị theo vòng đời người học, lấy kết quả việc làm sau tốt nghiệp làm điểm hội tụ để tổ chức hoạt động, phân bổ trách nhiệm và đo lường hiệu quả. Cơ chế này có ba đặc trưng cốt lõi. Một là, gắn chặt quyết định nghề nghiệp của người học với yêu cầu năng lực và cơ hội việc làm thực tế của thị trường lao động. Hai là, vận hành liên tục, không đứt đoạn giữa các giai đoạn trước đào tạo, trong đào tạo và sau tốt nghiệp. Ba là, dựa vào dữ liệu có cấu trúc để theo dõi, cảnh báo rủi ro và tạo phản hồi cải tiến đào tạo.

Thứ nhất, nghiên cứu làm rõ ranh giới giữa tư vấn hướng nghiệp gắn với việc làm sau tốt nghiệp và hoạt động giới thiệu việc làm. Hoạt động giới thiệu việc làm chủ yếu tập trung vào kết nối vị trí tuyển dụng và ứng viên trong một thời điểm, thường ưu tiên tốc độ lấp đầy nhu cầu tuyển dụng. Trong khi đó, tư vấn hướng nghiệp gắn với việc làm sau tốt nghiệp tập trung vào năng lực nghề nghiệp, mức độ phù hợp nghề, khả năng duy trì việc làm và phát triển nghề nghiệp của người học. Điểm phân biệt quan trọng là tiêu chí đánh giá. Nếu giới thiệu việc làm thường nhìn vào số lượng người được giới thiệu và tỉ lệ nhận việc ngắn hạn, thì tư vấn hướng nghiệp gắn với việc làm sau tốt nghiệp phải đo bằng mức độ phù hợp ngành nghề, tính ổn định việc làm, mức tiến bộ kỹ năng và thu nhập theo thời gian, cùng phản hồi của doanh nghiệp sử dụng lao động. Như vậy, tư vấn hướng nghiệp không thể là hoạt động phong trào mà phải là một thành phần của bảo đảm chất lượng đầu ra (Phạm Tất Dong, 2000, 2013; Đặng Danh Ánh & Chu Thị Xuân, 2002).

Thứ hai, nghiên cứu đề xuất khung triển khai tư vấn theo logic đầu vào, quá trình, đầu ra, bảo đảm có thể áp dụng và có thể đo lường. Ở đầu vào, trọng tâm là xác định nhu cầu nghề nghiệp, bối cảnh gia đình, điều kiện học tập, kì vọng việc làm và rủi ro của người học, đồng thời nắm bắt nhu cầu tuyển dụng và tiêu chuẩn năng lực nghề từ doanh nghiệp. Ở quá trình, trọng tâm là tư vấn lựa chọn nghề và lộ trình học tập, tư vấn phát triển kỹ năng nền tảng và kỹ năng nghề, tư vấn trải nghiệm thực hành thực tập gắn với vị trí việc làm và tư vấn chuẩn bị chuyển tiếp vào thị trường lao động. Ở đầu ra, trọng tâm là theo dõi việc làm sau tốt nghiệp theo các mốc thời gian, xác minh tình trạng việc làm và mức độ phù hợp, thu thập phản hồi doanh nghiệp, và sử dụng dữ liệu để điều chỉnh chương trình đào tạo cũng như dịch vụ hỗ trợ người học. Khung này cho phép chuyển tư vấn từ hỗ trợ rời rạc sang quản trị theo chu kỳ, có mục tiêu, có chỉ báo và có cải tiến.

Thứ ba, nghiên cứu xác lập quy trình tư vấn thống nhất theo vòng đời người học với các bước trọng điểm gồm tiếp nhận và chẩn đoán nhu cầu, đánh giá năng lực và mục tiêu việc làm, lập kế hoạch tư vấn cá thể hóa, triển khai hoạt động tư vấn và kết nối doanh nghiệp, ghi nhận minh chứng, đánh giá kết quả và phản hồi cải tiến. Quy trình này nhấn mạnh tính liên tục của hồ sơ người học. Mỗi tương tác tư vấn cần để lại dấu vết dữ liệu, từ đó hình thành bức tranh tiến bộ năng lực và mức độ sẵn sàng việc làm. Khi quy trình được chuẩn hóa, cơ sở giáo dục nghề nghiệp

có thể kiểm soát chất lượng dịch vụ tư vấn, bảo đảm công bằng tiếp cận cho người học và tránh lệ thuộc vào nhiệt tình cá nhân.

Thứ tư, nghiên cứu đề xuất yêu cầu hạ tầng dữ liệu và bộ chỉ báo theo dõi việc làm sau tốt nghiệp như điều kiện bắt buộc để tư vấn thực sự gắn với việc làm. Về dữ liệu, tối thiểu cần có hồ sơ số người học, dữ liệu quá trình học tập và thực hành thực tập, dữ liệu kết nối doanh nghiệp và tuyển dụng, dữ liệu theo dõi sau tốt nghiệp, cùng phản hồi doanh nghiệp. Dữ liệu phải có trường dùng chung, quy định rõ đơn vị cập nhật, chu kỳ cập nhật và cơ chế xác minh. Về chỉ báo, nhóm chỉ báo cốt lõi gồm tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp theo các mốc thời gian, tỉ lệ việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo, mức ổn định việc làm, mức thu nhập, mức hài lòng của doanh nghiệp, và tỉ lệ người học tiếp tục học nâng cao hoặc chuyển bậc kĩ năng. Nhóm chỉ báo hỗ trợ gồm mức độ tham gia tư vấn, mức độ hoàn thành kế hoạch tư vấn, kết quả chuẩn đầu ra kĩ năng và chỉ báo rủi ro như thất nghiệp kéo dài hoặc làm việc không chính thức. Bộ chỉ báo này tạo nền cho trách nhiệm giải trình và cho phép cơ quan quản lí nhà nước giám sát theo chuẩn mực thay vì theo báo cáo cảm tính (Viện Khoa

học Giáo dục Việt Nam, 2024–2025; Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2013).

Thứ năm, nghiên cứu làm rõ cấu trúc trách nhiệm và cơ chế phối hợp để triển khai đồng bộ. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp là chủ thể tổ chức dịch vụ tư vấn theo quy trình chuẩn, bảo đảm nhân lực, thời lượng, và chất lượng dữ liệu. Doanh nghiệp là chủ thể đồng hành, cung cấp yêu cầu năng lực, vị trí thực hành thực tập, cơ hội việc làm và phản hồi chất lượng. Cơ quan quản lí nhà nước giữ vai trò chuẩn hóa khái niệm, ban hành quy định về dữ liệu và chỉ báo, tổ chức kiểm tra đánh giá, đồng thời điều phối liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp và thị trường lao động. Cơ chế phối hợp cần chuyển từ kí kết hình thức sang phối hợp theo nhiệm vụ, theo dữ liệu và theo kết quả, trong đó kết quả việc làm sau tốt nghiệp là tiêu điểm chung.

Tổng hợp các kết quả trên cho thấy, khi tư vấn hướng nghiệp được tổ chức gắn với việc làm sau tốt nghiệp, có quy trình thống nhất, có dữ liệu và chỉ báo và có cơ chế phối hợp rõ trách nhiệm, thì tư vấn trở thành công cụ quản trị chất lượng đầu ra của giáo dục nghề nghiệp. Ngược lại, nếu thiếu dữ liệu,

Bảng 1: Các yếu tố tác động đến tư vấn hướng nghiệp sau giáo dục nghề nghiệp

Nhóm yếu tố	Nội dung tác động	Hệ quả đối với tư vấn hướng nghiệp sau giáo dục nghề nghiệp
Chính sách và thể chế	Khung pháp lí chưa quy định rõ trách nhiệm tư vấn sau đào tạo.	Tư vấn sau tốt nghiệp chưa bắt buộc; triển khai không đồng đều.
Thị trường lao động	Nhu cầu tuyển dụng biến động; yêu cầu kỹ năng thay đổi nhanh.	Cần cập nhật thường xuyên; giảm rủi ro định hướng sai.
Thị trường lao động địa phương	Chênh lệch cơ hội việc làm theo vùng, địa phương.	Tư vấn phải bám bối cảnh địa phương; tránh khuyến nghị thiếu khả thi.
Vai trò của doanh nghiệp	Doanh nghiệp tham gia đào tạo và tư vấn còn hạn chế.	Thiếu phản hồi năng lực thực tế; khó tư vấn phát triển nghề nghiệp.
Năng lực hệ thống dịch vụ việc làm	Mạng lưới dịch vụ việc làm thiếu đồng đều; thiếu tư vấn chuyên sâu.	Chuyển tuyến và hỗ trợ sau tốt nghiệp còn yếu.
Năng lực đội ngũ tư vấn	Tư vấn viên thiên về giới thiệu việc làm; thiếu bồi dưỡng phát triển nghề nghiệp.	Tư vấn ngắn hạn; hỗ trợ ổn định nghề nghiệp chưa tốt.
Hệ thống dữ liệu và thông tin	Thiếu dữ liệu theo dõi sau tốt nghiệp và thông tin thị trường lao động chuẩn hóa.	Tư vấn dựa kinh nghiệm; khó kiểm chứng hiệu quả dài hạn.
Nhận thức của người học và xã hội	Nhận thức còn coi tư vấn sau tốt nghiệp là không cần khi đã có việc.	Nhu cầu thấp; giảm tác động của hệ thống.

(Ghi chú: Các yếu tố trong Bảng 1 có quan hệ tương tác và có thể tác động đồng thời đến phạm vi, chất lượng và hiệu quả tư vấn. Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (2024–2025), Báo cáo chuyên đề đề tài CB2024-02)

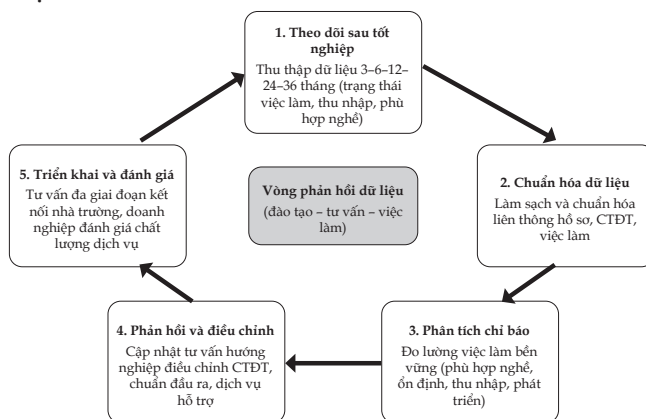
thiếu chuẩn hóa và thiếu phản hồi sau tốt nghiệp, tư vấn dễ bị đồng nhất với giới thiệu việc làm, hiệu quả khó đo lường và khó tạo chuyển biến bền vững cho người học.

Vì tư vấn hướng nghiệp gắn với việc làm sau tốt nghiệp không thể hiểu theo nghĩa hỗ trợ đơn lẻ hay thu hẹp thành giới thiệu việc làm, cần làm rõ các nhóm yếu tố đang chi phối trực tiếp đến phạm vi, chất lượng và hiệu lực tổ chức tư vấn trong nhà trường. Bảng 1 trình bày hệ thống các yếu tố tác động chủ yếu, từ đó dẫn sang các kết quả nghiên cứu theo từng luận điểm.

Để làm rõ ranh giới mục tiêu can thiệp ở giai đoạn sau giáo dục nghề nghiệp, sự khác biệt giữa tư vấn việc làm và tư vấn hướng nghiệp được hệ thống hóa tại Bảng 2.

Từ khung logic tổng thể, yêu cầu trọng tâm là thiết lập được vòng phản hồi dữ liệu có khả năng truy vết và tạo quyết định quản trị dựa trên bằng chứng, thay cho cách làm mang tính sự vụ. Vì vậy, Hình 2 mô tả chu kỳ theo dõi sau tốt nghiệp, chuẩn hóa dữ liệu, phân tích chỉ báo việc làm bền vững, phản hồi điều chỉnh và triển khai đánh giá chất lượng dịch vụ, qua

đó hình thành mạch liên thông đào tạo, tư vấn và việc làm.



(Ghi chú: Chu kỳ theo dõi sau tốt nghiệp có thể thực hiện theo các mốc 3, 6, 12, 24 và 36 tháng; dữ liệu kết quả được chuẩn hóa và phân tích để phản hồi, điều chỉnh hoạt động tư vấn và chương trình đào tạo. Nguồn: Tác giả đề xuất).

Các kết quả này được rút ra từ tổng hợp các nghiên cứu và thực tiễn triển khai tại một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đồng thời đối chiếu với các quy định chính sách hiện hành nhằm bảo đảm tính khái quát và khả năng áp dụng.

Bảng 2: Phân biệt tư vấn việc làm và tư vấn hướng nghiệp sau giáo dục nghề nghiệp

Tiêu chí so sánh	Tư vấn việc làm	Tư vấn hướng nghiệp sau giáo dục nghề nghiệp
Mục tiêu chính	Tìm việc làm cụ thể trong ngắn hạn.	Chuyển tiếp, ổn định và phát triển nghề nghiệp bền vững.
Thời điểm can thiệp	Ngay sau hoặc sát thời điểm tốt nghiệp.	Liên tục sau tốt nghiệp, nhất là một đến ba năm đầu và khi chuyển đổi.
Đối tượng	Người chuẩn bị tốt nghiệp hoặc thất nghiệp.	Người đã tốt nghiệp giáo dục nghề nghiệp; đang làm hoặc muốn điều chỉnh, chuyển nghề.
Nội dung tư vấn	Thông tin tuyển dụng, vị trí việc làm, hỗ trợ hồ sơ.	Đánh giá năng lực, thích nghi nghề nghiệp, lộ trình phát triển, nâng chuẩn hoặc chuyển nghề.
Cách tiếp cận	Giải quyết nhu cầu trước mắt.	Theo tiến trình nghề nghiệp dài hạn, gắn với học tập suốt đời.
Kết quả kì vọng	Có việc làm ban đầu.	Việc làm ổn định, phù hợp; nâng năng lực; thích ứng thị trường lao động.
Mối liên hệ với đào tạo	Ít gắn với nội dung đào tạo.	Gắn với kết quả đào tạo và phản hồi để điều chỉnh chương trình.
Vai trò của tư vấn	Kết nối cung cầu lao động và hỗ trợ thủ tục.	Đồng hành phát triển nghề nghiệp trong vòng đời lao động.

(Ghi chú: Tư vấn hướng nghiệp sau giáo dục nghề nghiệp là tư vấn phát triển nghề nghiệp, không đồng nhất với hoạt động giới thiệu việc làm. Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp từ Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (2024–2025), Báo cáo chuyên đề đề tài CB2024-02).

4. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, tư vấn hướng nghiệp gắn với việc làm sau tốt nghiệp trong giáo dục nghề nghiệp chỉ có thể phát huy đầy đủ giá trị khi được đặt vào đúng vị trí là một cấu phần của quản trị chất lượng đầu ra. Điểm then chốt ở đây là chuyển trọng tâm từ việc tổ chức hoạt động sang việc quản trị kết quả. Khi kết quả việc làm sau tốt nghiệp được coi là thước đo trung tâm, các quyết định về nội dung tư vấn, quy trình tư vấn, phối hợp doanh nghiệp, phân bổ nguồn lực và đánh giá hiệu quả đều phải quay về câu hỏi cốt lõi là người học ra trường có việc làm, việc làm đó có phù hợp và có bền vững hay không. Cách đặt vấn đề này buộc hệ thống phải vận hành theo logic trách nhiệm giải trình, thay vì logic phong trào.

Từ góc độ khái niệm, thảo luận quan trọng nhất là ranh giới giữa tư vấn hướng nghiệp gắn với việc làm sau tốt nghiệp và hoạt động giới thiệu việc làm. Nếu không xác lập ranh giới này, tư vấn dễ bị kéo về nhiệm vụ ngắn hạn, chạy theo số lượng người nhận việc ngay, trong khi mục tiêu cốt lõi của giáo dục nghề nghiệp là chuẩn bị năng lực nghề nghiệp và năng lực thích ứng để người học bám nghề. Vì vậy, tư vấn gắn với việc làm sau tốt nghiệp phải được hiểu là cơ chế đồng hành, dẫn dắt người học qua các quyết định nghề nghiệp quan trọng và hỗ trợ họ vượt qua giai đoạn chuyển tiếp vốn nhiều rủi ro. Chính đặc trưng chuyển tiếp này đòi hỏi tư vấn không thể tách khỏi quá trình đào tạo cũng không thể kết thúc ở thời điểm tốt nghiệp. Tư vấn phải có nhiệm vụ theo dõi, phản hồi và điều chỉnh, bảo đảm người học không bị bỏ lại phía sau khi đối mặt với thất nghiệp tạm thời, làm trái nghề hoặc việc làm không ổn định.

Từ góc độ tổ chức thực hiện, khung triển khai theo logic đầu vào, quá trình, đầu ra có ý nghĩa như một công cụ quản trị giúp chuẩn hóa hoạt động giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có điều kiện khác nhau. Tuy nhiên, tính khả thi của khung này phụ thuộc vào mức độ chuẩn hóa quy trình và mức độ kỷ cương dữ liệu. Nếu quy trình chỉ tồn tại trên văn bản mà không có yêu cầu ghi nhận minh chứng và không có cơ chế kiểm tra, thì tư vấn dễ trở thành hình thức. Ngược lại, khi mỗi tương tác tư vấn đều được ghi nhận vào hồ sơ số người học, khi việc theo dõi sau tốt nghiệp có quy định về mốc thời gian, khi phản hồi doanh nghiệp được thu thập định kỳ thì tư vấn mới tạo ra dữ liệu đủ tin cậy để nhà trường điều chỉnh đào tạo và để cơ quan quản lý nhà nước giám sát chất lượng đầu ra. Nói cách khác, chất lượng tư

vấn không thể tách rời chất lượng dữ liệu, và chất lượng dữ liệu lại phụ thuộc vào kỉ luật tổ chức.

Từ góc độ dữ liệu và đo lường, thảo luận cần nhấn mạnh rằng, dữ liệu không phải là gánh nặng hành chính, mà là bằng chứng quản trị. Trong nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp, dữ liệu về việc làm sau tốt nghiệp thường thiếu ổn định, thiếu xác minh và thiếu liên thông, dẫn đến tình trạng báo cáo đẹp nhưng quyết định quản trị không cải thiện. Việc thiết lập trường dữ liệu dùng chung và bộ chỉ báo theo dõi việc làm sau tốt nghiệp, vì vậy phải được xem là yêu cầu tối thiểu. Bộ chỉ báo cần cân bằng giữa tính đo lường và tính phù hợp bối cảnh. Nếu chỉ đo tỉ lệ có việc làm mà bỏ qua mức độ phù hợp nghề và mức ổn định, thì hệ thống dễ chạy theo chỉ tiêu ngắn hạn. Nếu đặt quá nhiều chỉ báo phức tạp vượt khả năng thu thập, thì triển khai sẽ đứt gãy. Do đó, cần tiếp cận theo nguyên tắc tối thiểu nhưng đủ dùng, trước hết bảo đảm các chỉ báo cốt lõi và cơ chế xác minh, sau đó mới mở rộng theo năng lực quản trị.

Một điểm bàn luận có tính quyết định là cơ chế phối hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp. Trên thực tế, hợp tác doanh nghiệp thường bị hiểu là kí kết thỏa thuận và tổ chức hoạt động theo đợt, trong khi điều mà tư vấn gắn với việc làm sau tốt nghiệp cần là sự tham gia có trách nhiệm của doanh nghiệp vào toàn bộ chuỗi chuyển tiếp. Doanh nghiệp không chỉ là nơi tiếp nhận lao động, mà còn là nguồn thông tin về tiêu chuẩn năng lực, là nơi cung cấp môi trường thực hành thực tập gắn vị trí việc làm và là chủ thể phản hồi chất lượng người học sau khi tuyển dụng. Khi cơ chế phối hợp được thiết kế theo nhiệm vụ và theo dữ liệu, doanh nghiệp mới có động lực tham gia thực chất, còn nhà trường mới có căn cứ điều chỉnh đào tạo. Ở đây, vai trò điều phối của cơ quan quản lý nhà nước là then chốt để tránh tình trạng hợp tác manh mún, thiếu chuẩn và thiếu bền.

Từ góc độ quản lý nhà nước, thảo luận khẳng định rằng tư vấn hướng nghiệp gắn với việc làm sau tốt nghiệp phải được thể chế hóa bằng quy định rõ ràng về chức năng, trách nhiệm, dữ liệu và chỉ báo. Nếu chỉ dừng ở định hướng chung mà không có chuẩn tối thiểu, không có cơ chế kiểm tra và không gắn với bảo đảm chất lượng, thì tư vấn khó trở thành công cụ quản trị. Cơ quan quản lý cần đặt ra yêu cầu về quy trình tối thiểu, chuẩn dữ liệu, chu kỳ theo dõi, cơ chế tổng hợp và công khai ở mức phù hợp, đồng thời có chính sách bảo đảm nguồn lực nhân sự và công nghệ cho các cơ sở. Trên nền tảng đó, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với kết

quả việc làm sau tốt nghiệp mới trở thành kỉ cương, không phụ thuộc vào nhiệt tình cá nhân (Quốc hội, 2014, 2025; Thủ tướng Chính phủ, 2021).

Cuối cùng, thảo luận chỉ ra những điều kiện để triển khai bền vững: năng lực đội ngũ tư vấn; hạ tầng số và quản trị dữ liệu; cơ chế phối hợp và phân công trách nhiệm rõ ràng giữa nhà trường, doanh nghiệp và cơ quan quản lí cùng cơ chế đánh giá, kiểm tra và cải tiến theo chu kì dựa trên chỉ báo việc làm sau tốt nghiệp. Khi các điều kiện này được đáp ứng, tư vấn hướng nghiệp gắn với việc làm sau tốt nghiệp sẽ góp phần nâng chất lượng đầu ra, củng cố niềm tin xã hội đối với giáo dục nghề nghiệp và tăng hiệu lực quản lí nhà nước trong bảo đảm cơ hội việc làm cho người học.

5. Kết luận

Tư vấn hướng nghiệp gắn với việc làm sau tốt nghiệp trong giáo dục nghề nghiệp phải được nhìn nhận như một cơ chế quản trị chất lượng đầu ra theo vòng đời người học, không thu hẹp thành hoạt động giới thiệu việc làm hay hỗ trợ sự vụ. Khi lấy kết quả việc làm sau tốt nghiệp làm thước đo trung tâm, tư vấn trở thành công cụ điều hành thực chất, giúp người học ra quyết định nghề nghiệp có căn cứ, chuẩn bị năng lực chuyển tiếp, duy trì khả năng thích ứng và phát triển nghề nghiệp trong bối cảnh

thị trường lao động biến động. Đồng thời, tư vấn tạo nền tảng để cơ sở giáo dục nghề nghiệp tăng trách nhiệm giải trình, sử dụng phản hồi sau tốt nghiệp và phản hồi doanh nghiệp để cải tiến chương trình, tổ chức đào tạo sát yêu cầu năng lực.

Bài viết đã làm rõ ranh giới giữa tư vấn hướng nghiệp gắn với việc làm sau tốt nghiệp và hoạt động giới thiệu việc làm, đề xuất khung triển khai theo logic đầu vào, quá trình, đầu ra và quy trình tư vấn thống nhất, nhấn mạnh yêu cầu kỉ cương dữ liệu thông qua hồ sơ số người học, trường dữ liệu dùng chung và bộ chỉ báo theo dõi việc làm sau tốt nghiệp. Trên cơ sở đó, bài viết khẳng định vai trò điều phối của quản lí nhà nước trong việc chuẩn hóa khái niệm, quy trình và cơ chế phối hợp giữa nhà trường với doanh nghiệp, bảo đảm nguồn lực và thiết lập cơ chế giám sát dựa trên chỉ báo (Quốc hội, 2014, 2025; Thủ tướng Chính phủ, 2021).

Hướng nghiên cứu và triển khai tiếp theo cần tập trung vào xây dựng bộ chỉ báo tối thiểu phù hợp từng nhóm ngành, hoàn thiện cơ chế xác minh dữ liệu việc làm sau tốt nghiệp và thí điểm mô hình tư vấn theo vòng đời ở các loại hình cơ sở khác nhau để đo lường tác động. Đồng thời, cần phát triển năng lực đội ngũ tư vấn và năng lực quản trị dữ liệu ở cấp cơ sở, bảo đảm tư vấn gắn chặt với cải tiến.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*.
- Đặng Danh Ánh & Chu Thị Xuân. (2002). Quan điểm mới về giáo dục hướng nghiệp. *Tạp chí Giáo dục*, 41, tr.21–23.
- Phạm Tất Dong. (2000). *Sự lựa chọn cho tương lai (Tư vấn hướng nghiệp)*. NXB Thanh niên.
- Phạm Tất Dong. (2013). *Tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học cơ sở*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Quốc hội. (2014). *Luật Giáo dục Nghề nghiệp* (Luật số 74/2014/QH13, ngày 27 tháng 11 năm 2014).
- Quốc hội. (2019). *Luật Giáo dục* (Luật số 43/2019/QH14, ngày 14 tháng 6 năm 2019).
- Quốc hội. (2025). *Luật Việc làm* (Luật số 74/2025/QH15, ngày 16 tháng 6 năm 2025, hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2026).
- Thủ tướng Chính phủ. (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14 tháng 5 năm 2018 về Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2021). *Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
- Tổng cục Thống kê. (2026). *Thông cáo báo chí về tình hình lao động, việc làm quý IV và năm 2025*.
- Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. (2024–2025). *Báo cáo chuyên đề đề tài CB2024-02*.